

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Văn hóa và Truyền thông xuyên quốc gia

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3	
	FLF1017	Tư duy định lượng trong phân tích văn hóa xã hội	3	3				Ngoại ngữ B1	5	5
	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	
	ENG2065	Viết luận đại học	3	3		FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3	
		Tự chọn khối IV (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kỳ 1, kỳ 2 hoặc kỳ 4)	6	6		ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6	
	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3		ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3	
	ENG2048	Tiếng Anh xã hội 1	3	6				Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kỳ 2 hoặc kỳ 3)	6	6
	ENG2049	Tiếng Anh học thuật 1	3	6		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3	
	ENG2073	Biên tập văn bản	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3	
						FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3	
				FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3			
						Tự chọn khối IV (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kỳ 1, kỳ 2 hoặc kỳ 4)	6	6		
				ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3			

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Tâm

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

KT. TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: SƯ PHẠM TIẾNG ANH CHẤT LƯỢNG CAO

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	ENG2077***	Nghệ thuật sử dụng tiếng Anh	3	3
	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3		ENG2076***	Tiếng Anh cho các chủ điểm liên ngành	3	3
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3		ENG2078***	Dự án giáo dục cách tân	3	3
	VLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HKII)	3	3
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3			Ngoại ngữ B2	5	5
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3					
		Ngoại ngữ B1	5	5					
QH.2022 HỌC KỲ 3	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		ENG2055*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		PSF3007	Tâm lý học	3	3
		Ngoại ngữ B2	5	5		ENG2054*	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6			Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3			Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3/4)	3	3		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12		FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	ENG3029	Bảo chi trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3		FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12		
				ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3		
				ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3		
				ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3		
QH.2021 HỌC KỲ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
	ENG3047*	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3		ENG3065*	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	4
	ENG2055*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3		ENG2056*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
	ENG2054*	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		ENG4050***	Kiến tập	2	2
	ENG2052*	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		PSF3010	Phát triển nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
		Tự chọn khối III.2				FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và Giao tiếp xã hội	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III.2 ở HKIII sẽ không tích lũy ở HKV)				ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2	3	3		ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3		ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3		ENG3092	Giao tiếp qua hình ảnh	3	3
	ENG3091	Biên phiên dịch Anh Việt cơ bản	3	3		ENG3093	Kỹ năng giao tiếp trong thời đại số	3	3
		Tự chọn khối V.2	9	9			Tự chọn khối V.2	9	9
ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3		
ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3		
				ENG3068*	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3		
				ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3		
QH.2020 HỌC KỲ 7	ENG3045*	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	QH.2020 HỌC KỲ 8	ENG4001*	Thực tập	3	3
	ENG3096	Thực hành giảng dạy tại cơ sở đào tạo	3	3		ENG4054**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7
		Tự chọn khối V.2	9	9					
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3					
	ENG3094	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành	3	3					
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3					
	ENG3095	Thực hành thiết kế tài liệu kiểm tra đánh giá	3	3					
ENG3078*	Xây dựng chương trình và chương trình chi tiết	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

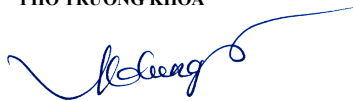
NGÀNH: Sư phạm tiếng Anh

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HCT hoặc HVTU)</i>	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
	ENG2048	Tiếng Anh xã hội 1	3	6		ENG2065	Viết luận đại học	3	3
	ENG2049	Tiếng Anh học thuật 1	3	6					
	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3					
		Tự chọn khối III <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)</i>	6	6					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
		Tự chọn khối II <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)</i>	6	6		ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		PSF3007	Tâm lý học	3	3
		Tự chọn khối III <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)</i>	6	6			Tự chọn khối II <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)</i>	6	6
	MAT1078**	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời <i>(SV có thể chọn học môn này tại kì 3)</i>	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3			Tự chọn khối III <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)</i>	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)</i>	12	12		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3		FLF1054	Thư pháp	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến <i>SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4</i>	3	3		FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3			Tự chọn khối IV.2.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)</i>	12	12
						ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
						ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3
				ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3		

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



Phùng Thị Kim Dung

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thúy Lan

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024


NGÀNH: Sư phạm tiếng Anh

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	3		ENG2065	Viết luận đại học	3	3
	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6					
	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	6					
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6		ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		PSF3007	Tâm lý học	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6			Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3			Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3		FLF1054	Thư pháp	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4	3	3		FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3			Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc kì 6)	12	12
						ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
				ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3		
				ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3		

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



Phùng Thị Kim Dung

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thúy Lan

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Sư phạm tiếng Anh

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 5

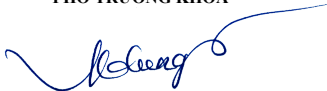
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3		ENG2065	Viết luận đại học	3	3
	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3					
	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3					
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6		ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		PSF3007	Tâm lý học	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6			Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3			Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3		FLF1054	Thư pháp	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến (SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4)	3	3		FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3			Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
						ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
				ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3		
				ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3		

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: SƯ PHẠM TIẾNG ANH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KỲ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2
	ENG3047	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3		ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3
	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3		ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và Giao tiếp xã hội	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		Tự chọn khối IV.1.2		6	6
		Tự chọn khối III.2	4	4		ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	3		Tự chọn khối V.2		12	12
	FLF1011	Tư duy hình ảnh (Số giờ học ở HK3 or HK5)	2	2		ENG3068	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		ENG3050	Một số vấn đề trong GD TA như một ngôn ngữ QT	3	3
						ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3
				ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3		
QH.2020 HỌC KÌ 7	ENG3045	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8	ENG4001	Thực tập	3	3
		Tự chọn khối V.2	12	12		ENG4054	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong khối IV,V	6	6
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3		Tự chọn khối V.2			
	ENG3048	Giáo dục song ngữ	3	3		ENG3078	Xây dựng chương trình & chương trình chi tiết	3	3
	ENG3040	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	3	3		ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3
	ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3					
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3					
	ENG3069	Thụ đặc ngôn ngữ	3	3					
	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3					

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thủy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Anh

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

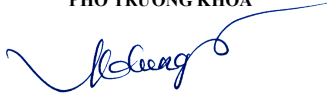
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6
	ENG2048	Tiếng Anh xã hội 1	3	6		ENG2065	Viết luận đại học	3	3
	ENG2049	Tiếng Anh học thuật 1	3	6		ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3
	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3					
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6		ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3			Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3			Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12		FLF1054	Thư pháp	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4	3	3		FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
						FLF1055	Cố học tinh hoa	3	3
					Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12		
				ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3		
				ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3		
				ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3		

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Anh

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HKII)	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3
	ENG2050	Tiếng Anh xã hội 2	3	6		ENG2065	Viết luận đại học	3	3
	ENG2051	Tiếng Anh học thuật 2	3	6					
	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3					
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
		Ngoại ngữ B2	0	4		ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6			Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4	3	3			Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FLF1054	Thu pháp	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3		FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4	3	3		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3		FLF1055	Cố học tinh hoa	3	3
							Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3,4,5 hoặc kì 6)	12	12
				ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3		
				ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3		
				ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3		

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



Phùng Thị Kim Dung

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thúy Lan

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Anh - định hướng Quốc tế học

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 5

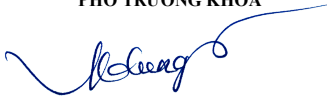
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		ENG2065	Viết luận đại học	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	ENG2068	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 1	3	3		ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3
	ENG2069	Tiếng Anh cho các vấn đề đương đại 2	3	3					
	ENG2066	Diễn thuyết trước công chúng	3	3					
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3 hoặc kì 4)	6	6					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
		Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3/ kì 4)	6	6		ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3			Tự chọn khối II (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3/ kì 4)	6	6
		Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3/ kì 4)	6	6		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng châu Âu	3	3
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3			Tự chọn khối III (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 1, 3/ kì 4)	6	6
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc 6)	12	12		FLF1054	Thư pháp	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3		FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	ENG3029	Báo chí trực tuyến SV có thể chọn học môn này tại kì 3 hoặc kì 4	3	3		FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	ENG2072	Tiếng Anh khoa học công nghệ	3	3		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
						FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
							Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3, 4, 5 hoặc 6)	12	12
						ENG3073	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	3
				ENG2071	Lịch sử giao thương Đông Á	3	3		
				ENG3015	Chủ đề quốc tế học	3	3		

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KÌ 5	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3	QH.2021 HỌC KÌ 6	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
	ENG3030	Biên dịch	3	3		ENG3049	Lý thuyết dịch	3	3
	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		ENG3062	Phiên dịch	3	3
	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		BSA2002	Nguyên lý marketing	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán (sv có thể học ở HK5 hoặc HK6)	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3
		Tự chọn khối V.2.2	6	6			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
	ENG3098	Phát triển nghề nghiệp	3	3		ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3
	ENG3099	Kỹ năng lãnh đạo	3	3		ENG3085	Toán cầu hóa	3	3
	ENG2045***	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3		ENG3015***	Chủ đề quốc tế học	3	3
	ENG3070	Tiếng Anh du lịch	3	3		ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3
		Tự chọn khối III.2	4	4		ENG3077***	Văn học và giao tiếp	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (tự chọn bắt buộc học bằng TA) - có thể học tại HK5 hoặc HK6	2	2		ENG2044***	Văn minh phương Tây	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh (Sv có thể học ở HK3 or HK5)	2	2		ENG2057	Ngữ dụng học	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	3		ENG3057	Ngữ nghĩa học	3	3
		Tự chọn khối II	6	6		ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	4
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và Giao tiếp xã hội	3	3		ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	4
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6		ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	4
ENG3029	Bảo chi trực tuyến SV có thể học tại HK5 hoặc HK6	3	3	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	4		
				ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3		
QH.2020 HỌC KÌ 7	ENG3032	Nghiệp vụ biên/phiên dịch	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8				
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3					
		Tự chọn khối V.2.1	9	9					
	ENG3018***	Tiếp thị kỹ thuật số	3	3					
	ENG3025***	Quản trị doanh nghiệp	3	3					
	ENG3026***	Thị trường và định chế tài chính	3	3					
	ENG3097***	Kế hoạch tài chính cá nhân	3	3					
	ENG3060***	Quan hệ con người trong quản lý	3	3					
	ENG3079***	Quản lý dự án	3	3					
	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	3					
	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	3					
	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành	3	3					
ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	3						
ENG3081***	Dịch hội thảo: Lý thuyết và thực hành	3	3						

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



Phùng Thị Kim Dung

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

Phùng Thị Kim Dung

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thúy Lan

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hà Lê Kim Anh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Biên Phiên dịch
Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2023 HỌC KỲ 1	RUS2080	Tiếng Nga 1A	3	6	QH.2023 HỌC KỲ 2	RUS2082	Tiếng Nga 2A	3	6	
	RUS2081	Tiếng Nga 1B	3	6		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	6	
	RUS2083	Tiếng Nga 2B	0	3		RUS2083	(Tiếng Nga 2B SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3	
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3	
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3	
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6	
	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6		RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6	
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6		RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (Thực hành ngữ pháp tiếng Nga SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3	
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6	
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3	
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3	
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3	
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3						
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3						
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3						
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3						
	FLF1054	Thư pháp	3	3						
FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3							
	Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK3, 4 hoặc HK 5)	6	6							
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3							
QH.2021 HỌC KỲ 5	RUS3034	Lý thuyết dịch	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3	
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3030	Phiên dịch	3	3	
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS3017	Biên dịch	3	3	
	RUS2003	Dắt nước học Nga	3	3		RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3	
	RUS4032	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	4	4		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6	
		Môn tự chọn (Khối III.2)	4	4		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3	
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2			Môn tự chọn bổ trợ (V.1.2.2)	3	3	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3	
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	3	
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2						
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2						
		(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối III.2 ở HKIII sẽ không tích lũy ở HKIV, HKV)								
		Môn tự chọn (Khối II)	6	6						
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3						
RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3							
FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3							
QH.2020 HỌC KỲ 7	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3	QH.2020 HỌC KỲ 8	RUS4001	Thực tập	3	3	
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV,V	6	6	
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6			Các học phần thay thế thi tốt nghiệp			
	RUS2045	Tư vựng học tiếng Nga	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3	
	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	3		RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3	
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3						
	RUS2031	Đôi chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	3						
	RUS2047	Văn học Nga 2	3	3						
		(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HKVI sẽ không tích lũy ở HKVII)								
		Môn tự chọn (V.1.2.1)	6	6						
	RUS3037	Dịch văn bản chuyên ngành	3	3						
RUS3039	Dịch chuyên ngành 1	3	3							
RUS3042	Dịch chuyên ngành 2	3	3							
RUS3041	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3							

Ngô Thị Minh Thu

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

Nguyễn Thúy Lan

**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Hà Lê Kim Anh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Biên Phiên dịch

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6	QH.2023 HỌC KỲ 2	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6		RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	0	3		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại (Tiếng Nga giao tiếp đương đại sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	Ngoại ngữ B1	5	5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		RUS2092	Kỹ năng sử dụng tiếng Nga nâng cao	3	6
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3		RUS2094	Ngôn ngữ và truyền thông	3	6
	RUS2091	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6		RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	RUS2093	Viết luận đại học	3	6			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 4)	6	6		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3					
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK3, 4 hoặc HK 5)	6	6					
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3					

QH.2021 HỌC KÌ 5	RUS3034	Lý thuyết dịch	3	3	QH.2021 HỌC KÌ 6	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3		
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3030	Phiên dịch	3	3		
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS3017	Biên dịch	3	3		
	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3		RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3		
	RUS4032	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	4	4		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6		
		Môn tự chọn (Khối III.2)	4	4		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3		
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3		
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2			Môn tự chọn bổ trợ (V.1.2.2)	3	3		
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3		
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3		
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	3		
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2							
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2							
	(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối III.2 ở HKIII sẽ không tích lũy ở HKIV, HKV)										
		Môn tự chọn (Khối II)	6	6							
RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3								
RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3								
FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3								
QH.2020 HỌC KÌ 7	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8	RUS4001	Thực tập	3	3		
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV,V	6	6		
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6			Các học phần thay thế thi tốt nghiệp				
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3		
	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	3		RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3		
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3							
	RUS2031	Đổi chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	3							
	RUS2047	Văn học Nga 2	3	3							
	(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HKVI sẽ không tích lũy ở HKVII)										
			Môn tự chọn (V.1.2.1)	6		6					
	RUS3037	Dịch văn bản chuyên ngành	3	3							
	RUS3039	Dịch chuyên ngành 1	3	3							
RUS3042	Dịch chuyên ngành 2	3	3								
RUS3041	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3								

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Du lịch

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần		
QH.2023 HỌC KỲ 1	RUS2080	Tiếng Nga 1A	3	6	QH.2023 HỌC KỲ 2	RUS2082	Tiếng Nga 2A	3	6		
	RUS2081	Tiếng Nga 1B	3	6		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	6		
	RUS2083	Tiếng Nga 2B	0	3		RUS2083	Tiếng Nga 2B (Tiếng Nga 2B sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3		
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3		
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		VLFI052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6		
	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6		RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6		
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6		RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	3	3		
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3		(Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)					
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm	6	6			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc	6	6		
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa	3	3		FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		
	VLFI053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3		
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3		
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3		
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3							
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3							
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3							
	FLF1054	Thư pháp	3	3							
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3							
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK3, 4 hoặc HK 5)	6	6							
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3							
QH.2021 HỌC KỲ 5	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	RUS3030	Phiên dịch	3	3		
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3017	Biên dịch	3	3		
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3		
	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3		RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3		
	RUS4032	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	4	4		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		TOU2003	Kinh tế du lịch	3	3		
		Môn tự chọn (Khối III.2)	4	4			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6		
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3		
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3		
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HKVI hoặc/và HKVII)					
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			Môn tự chọn (V.2.2.1)	6	6		
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		TOU2009	Quản trị kinh doanh lý hành	3	3		
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	3		
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3		
	(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối III.2 ở HKIII sẽ không tích lũy ở HKV)					(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối V.2.2.1 ở HKVI hoặc/và HKVII)					
		Môn tự chọn (Khối II)	6	6							
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3							
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3							
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3							

QH.2020 HỌC KÌ 7	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8	RUS4001	Thực tập	3	3
		Môn tự chọn (V.2.2.1)	6	6		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV,V	6	6
	RUS3033	Tiếng Nga du lịch nâng cao	3	3			Các học phần thay thế thi tốt nghiệp		
	RUS3019	Địa lý văn hóa du lịch	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3
		(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối V.2.2.1 ở HKVI sẽ không tích lũy ở HKVII)				RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3
		Môn tự chọn (V.2.2.2)	3	3					
	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3					
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6					
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3					
	RUS2030	Phương pháp học tiếng Nga	3	3					
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3					
	RUS2031	Đối chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	3					
RUS2047	Văn học Nga 2	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Du lịch

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6	QH.2023 HỌC KỲ 2	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6		RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	0	3		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại (Tiếng Nga giao tiếp đương đại sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		RUS2092	Kỹ năng sử dụng tiếng Nga nâng cao	3	6
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3		RUS2094	Ngôn ngữ và truyền thông	3	6
	RUS2091	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6		RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	RUS2093	Viết luận đại học	3	6					
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm	6	6			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK3, 4 hoặc HK 5)	6	6					
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						
QH.2021 HỌC KỲ 5	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	RUS3030	Phiên dịch	3	3
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3017	Biên dịch	3	3
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
	RUS2003	Dấu nước học Nga	3	3		RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
	RUS4032	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	4	4		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		TOU2003	Kinh tế du lịch	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	4	4			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HKVI hoặc/và HKVII)		
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			Môn tự chọn (V.2.2.1)	6	6
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
		(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối III.2 ở HKIII sẽ không tích lũy ở HKV)					(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối V.2.2.1 ở HKVI hoặc/và HKVII)		
		Môn tự chọn (Khối II)	6	6					
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3					
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3					
	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3					
		(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối II ở HKIV sẽ không tích lũy ở HKV)							

QH.2020 HỌC KÌ 7	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8	RUS4001	Thực tập	3	3
		Môn tự chọn (V.2.2.1)	6	6		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV,V	6	6
	RUS3033	Tiếng Nga du lịch nâng cao	3	3			Các học phần thay thế thi tốt nghiệp		
	RUS3019	Địa lý văn hóa du lịch	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3
		(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối V.2.2.1 ở HKVI sẽ không tích lũy ở HKVII)				RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3
		Môn tự chọn (V.2.2.2)	3	3					
	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3					
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6					
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3					
	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	3					
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3					
	RUS2031	Đối chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	3					
RUS2047	Văn học Nga 2	3	3						

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP CLC TT23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KÌ 5	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3	QH.2021 HỌC KÌ 6	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3		FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	FRE3017	Biên dịch	3	3		FRE3034	Phiên dịch	3	3
	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3		FRE3059	Kinh tế công đồng Pháp ngữ	3	3
	FRE3053	Nhập môn Khoa học du lịch	3	3		FLF1003	Tư duy phê phán	2	2
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
		Tự chọn khối III.2	4	4		FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		FRE2045	Phân tích diễn ngôn	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		FRE2035***	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		ENG2044***	Văn minh phương Tây	3	3
		Tự chọn khối II	6			ENG2045***	Văn hóa và Chính trị trong kinh doanh	3	3
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
		(SV có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối II, III ở HK III HK IV hoặc HK V)				ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
				ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3		
					Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3		
QH.2020 HỌC KÌ 7	FLF1006***	Tim hiểu cộng đồng Châu Âu	2	2	QH.2020 HỌC KÌ 8	FRE4050***	Kiểm tập	2	2
	FRE3032	Lý thuyết dịch	3	3		FRE4001*	Thực tập	3	3
	FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao	3	3		FRE4051**	Khoá luận tốt nghiệp	7	7
		Tự chọn khối V.2.2	6	6			Tự chọn khối V.2.1	6	6
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3		FRE3019	Biên dịch nâng cao	3	3
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính - ngân hàng	3	3		FRE3036	Phiên dịch nâng cao	3	3
	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch - khách sạn	3	3		FRE3018	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3		FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3		FRE3020***	Quản trị dự án	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính - văn phòng	3	3		FRE3027	Quản trị kinh doanh lưu hành	3	3
						FRE3029	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
				FRE3058	Hướng dẫn du lịch	3	3		
				BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		

*Môn học tự chọn in nghiêng, chữ đậm là những môn học tự chọn trong Khối sẽ được tổ chức giảng dạy.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Dàm Minh Thủy

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Pháp bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FRE2080	Tiếng Pháp 1A	3	6		FRE2082	Tiếng Pháp 2A	3	6
	FRE2081	Tiếng Pháp 1B	3	6		FRE2083	Tiếng Pháp 2B	3	6
	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	0	3		FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
<i>(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)</i>									
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6		FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6		FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6			Tự chọn khối II.2	6	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các H	6	6		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu	3	3		FRE1003	Địa chính trị	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3			Tự chọn khối IV.2.2	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3			Tự chọn khối III.2	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		FLF1002**	Phương pháp luận NCKH	3	3
	FLF1019	Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong dạy	3	3					

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Pháp bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FRE2092	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FRE2093	Các loại hình văn bản tiếng Pháp	3	6		FRE2094	Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	0	3		FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	6
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
<i>(Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)</i>									

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG TRUNG QUỐC
Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3	
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3	
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3	
	CHI2080	Tiếng Trung Quốc 1A	3	6		CHI2082	Tiếng Trung Quốc 2A	3	6	
	CHI2081	Tiếng Trung Quốc 1B	3	6		CHI2083	Tiếng Trung Quốc 2B	3	6	
	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (1)	0	3		CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (2)	3	3	
							(Tiếng TQ cơ bản sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)			
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chú nghĩa xã hội khoa học	2	2	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3	
	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6		CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6	
	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6		CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6	
	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (1)	0	3		CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (2)	3	3	
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 4)	6	6			(Tiếng TQ nâng cao sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)			
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3			Tự chọn khối II.2	6	6	
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3	
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3	
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3	
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3	
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3	
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3						
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3						
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3						
FLF1054	Thư pháp	3	3							
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3							

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG TRUNG QUỐC

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6		CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		CHI2092	Kỹ năng truyền đạt thông tin Trung Việt	3	3
	CHI2093	Đọc hiểu tác phẩm văn học Trung Quốc	3	3		CHI2094	Báo chí và truyền thông	3	3
	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6		CHI2095	Khẩu ngữ Tiếng Trung Quốc thương mại	3	3
	CHI2096	Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện	3	3			Tự chọn khối II	6	6
	CHI2039	Kỹ năng sử dụng Tiếng Trung Quốc nâng cao	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3					
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3					
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tính hoa	3	3					

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG TRUNG QUỐC

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KỲ 5	CHI2049	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD và ĐT	2	2
	CHI2045	Đất nước học Trung Quốc 1	3	3		CHI2050	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
	CHI3038	Lý luận giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3		CHI3049	Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	PSF3008	Giáo dục học	3	3			Môn tự chọn (Khối IV.1.2)	6	6
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		CHI2046	Đất nước học Trung Quốc 2	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		CHI2007	Văn học Trung Quốc 1	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		CHI2063	Văn học Trung Quốc 2	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			Môn tự chọn (V.2)	12	12
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		CHI3046	Phiên dịch	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		CHI3019	Biên dịch	3	3
QH.2020 HỌC KỲ 7	CHI3031	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	QH.2020 HỌC KỲ 8	CHI4001	Thực tập	3	3
	CHI2047	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		CHI4051	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương (SV chọn học 2 môn thay thế học tại kì 7)	6	6
		Môn tự chọn (IV.1.2)							
	CHI2051	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	3	3					
	CHI2048	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	CHI2052	Phân tích diễn ngôn	3	3					
	CHI2044	Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	3					
		Môn tự chọn (V.2)	12	12					
	CHI3025	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3					
	CHI3041	Một số chuyên đề về giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Việt Nam và Thế giới	3	3					
	CHI3039	Lý luận về học ngôn ngữ và thực hành khám phá	3	3					
	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3					
	CHI3050	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3					
	CHI3065	Xây dựng chương trình giảng dạy	3	3					
CHI3029	Giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

NGÀNH NGÔN NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC
Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK1 hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	CHI2080	Tiếng Trung Quốc 1A	3	6		CHI2082	Tiếng Trung Quốc 2A	3	6
	CHI2081	Tiếng Trung Quốc 1B	3	6		CHI2083	Tiếng Trung Quốc 2B	3	6
	CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (1)	0	3		CHI2090	Tiếng Trung Quốc cơ bản (2)	3	3
							(Tiếng TQ cơ bản sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6		CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6		CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (2)	3	3
	CHI2091	Tiếng Trung Quốc nâng cao (1)	0	3			(Tiếng TQ nâng cao sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc	6	6			Tự chọn khối II	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

NGÀNH NGÔN NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC
Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	CHI2084	Tiếng Trung Quốc 3A	3	6		CHI2087	Tiếng Trung Quốc 4A	3	6
	CHI2085	Tiếng Trung Quốc 3B	3	6		CHI2088	Tiếng Trung Quốc 4B	3	6
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		CHI2092	Kỹ năng truyền đạt thông tin Trung Việt	3	3
	CHI2093	Đọc hiểu tác phẩm văn học Trung Quốc	3	3		CHI2094	Báo chí và truyền thông	3	3
	CHI2089	Tiếng Trung Quốc 4C	3	6		CHI2095	Khẩu ngữ Tiếng Trung Quốc thương mại	3	3
	CHI2096	Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện	3	3			Tự chọn khối II	6	6
	CHI2039	Kỹ năng sử dụng Tiếng Trung Quốc nâng cao	3	3		FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		CHI1001B	Địa lý đại cương	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		CHI1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3					
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3					
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC - CHẤT LƯỢNG CAO THÔNG TƯ 23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KỲ 5	CHI2049*	Ngôn ngữ học tiếng Trung 1	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	CHI3035***	Lý thuyết và nghiệp vụ biên - phiên dịch	3	3
	CHI2036***	Đất nước học Trung Quốc	3	3		CHI2050*	Ngôn ngữ học tiếng Trung 2	3	3
	CHI3068***	Phiên dịch Việt - Trung	3	3		CHI3054	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng TQ)	3	3
	CHI3070***	Biên dịch Việt - Trung	3	3		CHI3007	Biên phiên dịch nâng cao Trung Việt	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		ENG3091	Biên phiên dịch Anh Việt cơ bản	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		CHI2039***	Kĩ năng sử dụng tiếng Trung Quốc nâng cao	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	2
		Tự chọn khối III.2	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		CHI2053	Tiếng Hán cổ đại	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		CHI2044	Các chuyên đề về ngôn ngữ văn hóa TQ	3	3
	FLF1006***	Tìm hiểu công đồng châu Âu	2	2		CHI2037***	Văn học Trung Quốc	3	3
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
						ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
QH.2020 HỌC KỲ 8	CHI3032***	Quản trị Doanh nghiệp	3	3	CHI4001	Thực tập	3	3	
	CHI3033	Kinh tế Trung Quốc đương đại	3	3	CHI4051**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7	
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3					
	CHI4050***	Kiến tập	2	2					
		Môn tự chọn (V.2.1)	6	6					
	CHI3047	Phiên dịch chuyên ngành (kinh tế, giáo dục, du lịch)	3	3					
	CHI3020	Biên dịch chuyên ngành (kinh tế, giáo dục, du lịch)	3	3					
	CHI3026	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong	3	3					
	CHI3028	Dịch văn học	3	3					
	CHI3044	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
		Môn tự chọn (V.2.2)	3	3					
	CHI3056	Tiếng Trung Quốc Kinh tế	3	3					
	CHI3059	Tiếng Trung Quốc Tài chính - Ngân hàng	3	3					
	CHI3052	Tiếng Trung Quốc du lịch - Khách sạn	3	3					
	CHI3055	Tiếng Trung Quốc hành chính - Văn phòng	3	3					
	CHI3058	Tiếng Trung Quốc luật	3	3					

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Hiền

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ĐỨC

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2022 HỌC KÌ 3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2022 HỌC KÌ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6		GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6		(Tiếng Đức 3C sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)			
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3		GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
						GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6			Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các học phần của nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3		PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
				HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		
				FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		
				FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		
				FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		
				FLF1054	Thư pháp	3	3		
				FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3		
QH.2020 HỌC KÌ 7	GER3023	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8	GER4001	Thực tập	3	3
		Học phần tự chọn (IV.1.2)	6	6		GER4051	Khóa luận/Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn trong số khối IV, V	6	6
	GER2054	Từ vựng học tiếng Đức	3	3					
	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3	3					
	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3	3					
	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	GER2056	Văn học Đức 2	3	3					
		Học phần tự chọn (V.2.1)	9	9					
	GER3033	Phương pháp giảng dạy ngữ âm	3	3					
	GER3034	Phương pháp giảng dạy ngữ pháp và từ vựng	3	3					
	Học phần tự chọn (V.2.2)	3	3						
GER3037	Thiết kế giáo án và biên soạn học liệu	3	3						
GER3004	Phân tích giáo trình	3	3						
GER3019	Công nghệ trong dạy học và học ngoại ngữ	3	3						

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lê Thị Bích Thủy

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC CHẤT LƯỢNG CAO THÔNG TƯ 23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KÌ 5	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3	QH.2021 HỌC KÌ 6	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
	GER3001***	Lý thuyết và nghiệp vụ biên - phiên dịch	3	3		GER3029	Phiên dịch	3	3
	FLF1006***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	2	2		GER3016	Biên dịch	3	3
	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3	3		TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
	GER2039	Đất nước học Đức	3	3		GER3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	2
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
		Tự chọn khối III.2	4	4		GER2015	Đất nước học Áo – Thụy Sĩ	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		ENG2044***	Văn minh Phương Tây	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		GER2055*	Văn học Đức 1	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và nghiệp	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Tự chọn khối II	6	6			Tự chọn khối V.2.1	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		GER3018	Biên dịch nâng cao	3	3
		Tự chọn khối V.2.2	6	6		GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	3
	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	3		GER3025	Kinh tế Đức	3	3
	GER3039	Tiếng Đức tài chính - ngân hàng	3	3		GER3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	3		GER3003***	Giao tiếp trong kinh doanh	3	3
GER3040***	Tiếng Đức thương mại	3	3						
GER3046***	Tiếng Đức luật pháp	3	3						
ENG3085***	Biên dịch Anh-Việt	3	3						
ENG3086***	Phiên dịch Anh-Việt	3	3						
QH.2020 HỌC KÌ 7	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8	GER4050***	Kiểm tập	2	2
	GER2003***	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6		GER4001	Thực tập	3	3
	GER3004	Kinh tế du lịch	3	3		GER4051**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6					
	GER2002***	Ngôn ngữ học xã hội	3	3					
	ENG2045***	Văn hóa và chính trị trong kinh doanh	3	3					
		Tự chọn khối V.2.1	6	6					
	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3					
	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3					
	TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3					
	BSA2002	Nguyên lý Marketing	3	3					
	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	3					
	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	GER3017	Biên dịch chuyên ngành	3	3					
GER3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lê Thị Bích Thủy

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	GER2080	Tiếng Đức 1A	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	GER2081	Tiếng Đức 1B	3	6		GER2082	Tiếng Đức 2A.2	3	3
	GER2082	Tiếng Đức 2A.1	0	3		(Tiếng Đức 2A sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)			
						GER2083	Tiếng Đức 2B	3	6
						GER2090	Tiếng Đức cơ bản	3	6
				FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3		
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6		GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6		GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3		(Tiếng Đức 3C sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)			
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6			Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các học phần của nhóm này tại kì 4 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3		FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3		FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
						HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
				FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3		
				FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		
				FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		
				FLF1054	Thư pháp	3	3		
				FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3		
				PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Thủy

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	GER2084	Tiếng Đức 3A	3	6		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	GER2085	Tiếng Đức 3B	3	6		GER2086	Tiếng Đức 3C.2	3	3
	GER2086	Tiếng Đức 3C.1	0	3		(Tiếng Đức 3C sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)			
						GER2087	Tiếng Đức 4A	3	6
						GER2088	Tiếng Đức 4B	3	6
						FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Thủy

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

Ghi chú: Khóa QH.2022 không có lớp Bậc 4

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH Sư phạm tiếng Nhật

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt Ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		JAP2082	Tiếng Nhật 2A	3	6
	JAP2080	Tiếng Nhật 1A	3	6		JAP2083	Tiếng Nhật 2B	3	6
	JAP2081	Tiếng Nhật 1B	3	6					
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3)	6	6		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu	3	3			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3)	6	6
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3)	6	6					
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3					

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

5.2

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH Sư phạm tiếng Nhật

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		JAP2091	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 2	3	6
	JAP2090	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 1	3	6		JAP2093	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 2	3	6
	JAP2092	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 1	3	6					
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP	6	6		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu	3	3			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK	6	6
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1005	Tim hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FLF1006	Tim hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2	6	6					
		(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại							
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Sư phạm Tiếng Nhật

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần		
QH.2021 HỌC KÌ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2021 HỌC KÌ 6	JAP3019	Lý luận giảng dạy tiếng Nhật	3	3		
	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3		PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước & QLGD&ĐT	2	2		
	JAP2003	Đất nước học Nhật 1	3	3		JAP3031	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1	3	3		
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3		
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3			Tự chọn khối III.2	4	4		
		Tự chọn khối III.2	4	4		FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	6	6		
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		JAP2005	Hán tự học tiếng Nhật	3	3		
	FLF1004	Nhập môn văn hóa các nước ASEAN	2	2		JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3		
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3		
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		JAP2015	Nhập môn văn hóa các nước Châu Á	3	3		
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối III.2 ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)					(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 hoặc/và HK7 để thay thế KLTN)				
		Tự chọn khối V.2.2	6	6							
	JAP3001	Biên dịch	3	3							
JAP3029	Phiên dịch	3	3								
PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3								
	(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối (V.2.2) ở HK5 hoặc/và HK7 để thay thế KLTN)										
QH.2020 HỌC KÌ 7	JAP3032	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 2	3	3	QH.2020 HỌC KÌ 8	JAP4001	Thực tập	3	3		
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6		JAP4051	Khóa luận Tốt nghiệp (hoặc đã tích lũy đủ 2 HP ở HK7 trong số khối (IV, V))	6	6		
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3							
	JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3							
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3							
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3							
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3							
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7. Hoặc có thể tích lũy làm học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)									
		Tự chọn khối V.2.1	6	6							
	JAP3015	Kỹ năng viết văn bản	3	3							
	JAP3014	Kỹ năng thuyết trình	3	3							
	JAP3013	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	3							
	JAP3012	Kỹ năng giao tiếp	3	3							
		Tự chọn khối V.2.2	6	6							
	JAP3010	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3							
JAP3033	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3								
JAP3051	Xây dựng chương trình và nội dung giảng dạy	3	3								
JAP3046	Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ	3	3								
	(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối V.2.2 ở HKV sẽ không tích lũy ở HKVII. Hoặc có thể tích lũy làm học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)										

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH Ngôn ngữ Nhật

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		JAP2082	Tiếng Nhật 2A	3	6
	JAP2080	Tiếng Nhật 1A	3	6		JAP2083	Tiếng Nhật 2B	3	6
	JAP2081	Tiếng Nhật 1B	3	6					
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3)	6	6			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu	3	3		FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2	6	6					
		(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3)							
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH Ngôn ngữ Nhật

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng bậc 3

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	VLF1052	Nhập môn Viết ngữ học	3	3		HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		JAP2091	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 2	3	6
	JAP2090	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật 1	3	6		JAP2093	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 2	3	6
	JAP2092	Tiếng Nhật cho các vấn đề đương đại 1	3	6					
	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		JAP2087	Tiếng Nhật 4A	3	6
	JAP2084	Tiếng Nhật 3A	3	6		JAP2088	Tiếng Nhật 4B	3	6
	JAP2085	Tiếng Nhật 3B	3	6		JAP2089	Tiếng Nhật 4C	3	6
	JAP2086	Tiếng Nhật 3C	3	6		JAP2013	Kỹ năng sử dụng tiếng Nhật nâng cao	3	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3)	6	6			Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu	3	3		FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		JAP1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		JAP1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3)	6	6					
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3					

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH: Ngôn ngữ Nhật Chất lượng cao Thông tư 23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC Kì 5	JAP2001	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	3	3	QH.2021 HỌC Kì 6	JAP3058***	Lý thuyết và nghiệp vụ biên - phiên dịch	3	3
	JAP2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		JAP3013	Kỹ năng phân tích xử lý thông tin	3	3
	JAP3059***	Phiên dịch Nhật - Việt	3	3		ENG3091	Biên phiên dịch Anh - Việt cơ bản	3	3
	JAP4060***	Biên dịch Nhật - Việt	3	3		JAP2002	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2	3	3
	JAP2003	Đất nước học Nhật Bản 1	3	3		JAP4050***	Kiến tập	2	2
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FLF1004	Văn hoá các nước ASEAN	2	2			Tự chọn khối V.2.2	6	6
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		JAP3027	Nhập môn tiếng Nhật chuyên ngành	3	3
		Tự chọn khối III.2	4	4		JAP3035	Tiếng Nhật tài chính - ngân hàng	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		JAP3043	Tiếng Nhật quản trị - kinh doanh	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		JAP3045	Tiếng Nhật y học	3	3
	FLF1006***	Tim hiểu cộng đồng châu Âu	2	2		JAP3034	Tiếng Nhật luật pháp	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		JAP3039	Tiếng Nhật hành chính - văn phòng	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		JAP3053***	Tiếng Nhật văn hóa - du lịch	3	3
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)				JAP3036	Tiếng Nhật công nghệ thông tin	3	3
		Tự chọn khối II	6	6		ENG3076	Tiếng Anh thương mại	3	3
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
						ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
						ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
							Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
				ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3		
				JAP2005	Hán tự học tiếng Nhật	3	3		
				JAP2010	Văn học Nhật Bản 1	3	3		
				JAP2011	Đất nước học Nhật Bản 2	3	3		
QH.2020 HỌC Kì 7	JAP3063***	Văn hoá doanh nghiệp Nhật Bản	3	3	QH.2020 HỌC Kì 8	JAP4001*	Thực tập	3	3
	JAP43007***	Kinh tế Nhật Bản	3	3		JAP4051**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6					
	JAP2006	Ngữ dụng học tiếng Nhật	3	3					
	JAP2007	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	JAP2008	Phân tích diễn ngôn	3	3					
	JAP2009	Ngữ pháp chức năng	3	3					
	JAP2012	Văn học Nhật Bản 2	3	3					
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK 6 sẽ không tích lũy ở HK7)							
		Tự chọn khối V.2.1	6	6					
	JAP3024***	Quản trị doanh nghiệp Nhật Bản	3	3					
	JAP3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	3					
	JAP3002	Biên dịch chuyên ngành	3	3					
	JAP3064***	Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tiếng Nhật	3	3					
	JAP3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
JAP3065***	Kỹ năng viết văn bản tiếng Nhật và tiếng Anh	3	3						
JAP3066***	Kỹ năng thuyết trình tiếng Nhật và tiếng Anh	3	3						
JAP3012	Kỹ năng giao tiếp	3	3						

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Kiều Huế

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thủy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG HÀN (SV HỌC TỪ BẬC 1)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6		KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6		KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
						FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
					VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3	
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6		KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6			Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3						
FLF1054	Thư pháp	3	3						
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						
	Tự chọn khối II.2	6	6						
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						
QH.2021 HỌC KỲ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2021 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước & QLGD	2	2
	KOR3050	Lý luận giảng dạy tiếng Hàn Quốc	3	3		KOR3051	Phương pháp giảng dạy tiếng Hàn	3	3
	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3		KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
		Tự chọn khối V.2	6	6		KOR2008	Hán tự tiếng Hàn	3	3
	KOR3002	Phiên dịch	3	3		KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	3
	KOR3003	Biên dịch	3	3		KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	3
		Tự chọn khối III.2	4	4		KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	3
FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3		
				KOR2007	Hình thái học tiếng Hàn	3	3		
					Văn học Hàn Quốc 2	3	3		
QH.2020 HỌC KỲ 7	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	QH.2020 HỌC KỲ 8	KOR4001	Thực tập	3	3
	KOR3052	Kiểm tra đánh giá tiếng Hàn Quốc	3	3		KOR4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế (Ngôn ngữ đối chiếu + thực hành giảng dạy tiếng HQ)	6	6
	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3					
		Tự chọn khối V.2	6	6					
	KOR3053	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3					
	KOR3054	Thực hành giảng dạy tiếng Hàn Quốc	3	3					
	KOR3055	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
	KOR3056	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm	3	3					
	KOR3057	Ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ	3	3					
KOR3058	Xây dựng chương trình và nội dung giảng dạy	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG HÀN (SV HỌC TỪ BẬC 4)

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6		KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
					FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3	
					VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3	
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	6		KOR2092	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 2	3	6
	KOR2091	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 1	3	6		KOR2094	Tiếng Hàn học thuật	3	6
	KOR2093	Tiếng Hàn giao tiếp	3	6			Tự chọn khối II.2	6	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm	6	6		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3					
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						
	Tự chọn khối II.2	6	6						
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC - Sinh viên học từ bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	KOR2080	Tiếng Hàn 1A	3	6		KOR2082	Tiếng Hàn 2A	3	6
	KOR2081	Tiếng Hàn 1B	3	6		KOR2083	Tiếng Hàn 2B	3	6
				FLF1018		Kỹ năng bổ trợ	3	3	
				VLF1052		Nhập môn Việt ngữ học	3	3	
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6			Tự chọn khối II.2	6	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nh	6	6		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3					
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3					
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Có học tính hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2	6	6					
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC - Sinh viên học từ bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần
QH.2022 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	KOR2084	Tiếng Hàn 3A	3	6		KOR2087	Tiếng Hàn 4A	3	6
	KOR2085	Tiếng Hàn 3B	3	6		KOR2088	Tiếng Hàn 4B	3	6
	KOR2086	Tiếng Hàn 3C	3	6		KOR2089	Tiếng Hàn 4C	3	6
					FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3	
					VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3	
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		KOR2092	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 2	3	6
	KOR2090	Tiếng Hàn nâng cao	3	6		KOR2094	Tiếng Hàn học thuật	3	6
	KOR2091	Tiếng Hàn cho các vấn đề đương đại 1	3	6			Tự chọn khối II.2	6	6
	KOR2093	Tiếng Hàn giao tiếp	3	6		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3)	6	6		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		KOR1001	Địa lý đại cương	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		KOR1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3					
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3					
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3					
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3					
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2	6	6					
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC - CHẤT LƯỢNG CAO

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2021 HỌC KỶ 5	KOR2013***	Tiếng Hàn nâng cao	3	6	QH.2021 HỌC KỶ 6	KOR3004*	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	3		KOR3005*	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	KOR3008***	Lý thuyết và nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3		KOR2001*	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
	KOR3002	Phiên dịch	3	3		KOR3033***	Văn hoá doanh nghiệp Hàn Quốc	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	KOR3003	Biên dịch	3	3			Tự chọn khối V.2.1	5	5
	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3		KOR3037***	Quản trị kinh doanh	3	3
		Tự chọn khối III.2	4	4		KOR3047***	Phiên dịch nâng cao	3	3
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2		KOR3048***	Biên dịch nâng cao	3	3
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2		KOR3006	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3
		Tự chọn khối II	6	6		KOR3055***	Kĩ năng viết VB tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3		KOR3056***	Kĩ năng th.trình tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6		KOR3057***	Dịch cabin	3	3
	KOR2008	Hàn tự tiếng Hàn	3	3		KOR3058***	Kĩ năng giao tiếp	3	3
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	3		KOR3038***	Tin học văn phòng Hàn Quốc	2	2
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	3					
	KOR2005***	Ngôn ngữ và văn hoá Hàn Quốc	3	3					
	KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	3					
	KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	3					
KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	3						
KOR2015	Văn hoá các nước châu Á	3	3						
ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	4						
ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	4						
ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và nghiệp	3	4						
ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	4						
	Tự chọn khối V.2.2	3	3						
KOR3017	Tiếng Hàn hành chính văn phòng	3	3						
QH.2020 HỌC KỶ 7	KOR3028	Kinh tế - Chính trị Hàn Quốc	3	3	QH.2020 HỌC KỶ 8	KOR4001*	Thực tập	3	3
	KOR3021	Dịch văn bản tin tức báo chí	3	3		KOR4051**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7
	KOR4050***	Kiểm tập	2	2					
	KOR2002*	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3					
	KOR2004	Giao tiếp liên văn hoá	3	3					
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6					
	KOR2008	Hàn tự tiếng Hàn	3	3					
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	3					
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	3					
	KOR2005***	Ngôn ngữ và văn hoá Hàn Quốc	3	3					
	KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	3					
	KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	3					
	KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	3					
	KOR2015	Văn hoá các nước châu Á	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	4					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	4					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và nghiệp	3	4					
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	4					
		Tự chọn khối V.2.1	5	5					
KOR3037***	Quản trị kinh doanh	3	3						
KOR3047***	Phiên dịch nâng cao	3	3						
KOR3048***	Biên dịch nâng cao	3	3						
KOR3006	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3						
KOR3055***	Kĩ năng viết VB tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3						
KOR3056***	Kĩ năng th.trình tiếng Hàn và tiếng Anh	3	3						
KOR3057***	Dịch cabin	3	3						
KOR3058***	Kĩ năng giao tiếp	3	3						
KOR3038***	Tin học văn phòng Hàn Quốc	2	2						

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Nguyễn Thủy Lan

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH NGÔN NGỮ Ả RẬP

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 2	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	ARA2080	Tiếng Ả Rập 1A	3	6		ARA2082	Tiếng Ả Rập 2A	3	6
	ARA2081	Tiếng Ả Rập 1B	3	6		ARA2083	Tiếng Ả Rập 2B	3	6
QH.2022 HỌC KỲ 3	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		ARA2087	Tiếng Ả Rập 4A	3	6
	ARA2084	Tiếng Ả Rập 3A	3	6		ARA2088	Tiếng Ả Rập 4B	3	6
	ARA2085	Tiếng Ả Rập 3B	3	6		ARA2089	Tiếng Ả Rập 4C	3	6
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các H	6	6			Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu	3	3		ARA1001	Địa lý đại cương	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		ARA1002	Môi trường phát triển	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					
		Tự chọn khối II.2	6	6					
FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3						
QH.2021 HỌC KỲ 5	ARA2001	Ngôn ngữ học tiếng Ả Rập 1	3	3	QH.2021 HOC KỲ 6	ARA3004	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	ARA3002	Phiên dịch	3	3		ARA3005	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	ARA3003	Biên dịch	3	3		ARA2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
	ARA2003	Đất nước học Ả Rập 1	3	3		ARA2002	Ngôn ngữ học tiếng Ả Rập 2	3	3
	ARA3000	Lý Thuyết dịch	3	3		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			Tự chọn khối IV.1.2	6	6
		Tự chọn khối III.2	4	4		ARA2008	Ngôn ngữ học xã hội	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		ARA2009	Văn học Ả Rập 1	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		ARA2010	Đất nước học Ả Rập 2	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		ARA2014	Văn hóa các nước Châu Á	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2					
	FLF1011	Tư duy hình ảnh	2	2					
	FLF1012	Thiết kế cuộc đời	2	2					
		Tự chọn khối II	6	6					
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3					

QH.2020 HQC Kì 7	ARA3023	Kỹ năng nghiệp vụ Biên-Phiên dịch	3	3	QH.2020 HOC Kì 8	ARA4001	Thực tập	3	3
		Tự chọn khối IV.1.2	6	6		ARA4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn trong số khối IV, V	6	6
	ARA2005	Ngữ dụng học tiếng Ả Rập	3	3					
	ARA2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3					
	ARA2007	Ngữ pháp chức năng	3	3					
	ARA2011	Văn học Ả Rập 2	3	3					
		Tự chọn khối V.2.1	6	6					
	ARA3007	Dịch nâng cao	3	3					
	ARA3008	Dịch chuyên đề	3	3					
	ARA3018	Tiếng Ả Rập công nghệ thông tin	3	3					
	ARA3019	Dịch văn bản tin tức báo chí	3	3					
	ARA3020	Dịch văn học	3	3					
	ARA3006	Phân tích đánh giá văn bản dịch	3	3					
		Tự chọn khối V.2.2	3	3					
	ARA3009	Tiếng Ả Rập Kinh tế thương mại	3	3					
	ARA3010	Tiếng Ả Rập Tài chính - Ngân hàng	3	3					
	ARA3011	Tiếng Ả Rập Quản trị - Kinh doanh	3	3					
	ARA3012	Tiếng Ả Rập Du lịch - Khách sạn	3	3					
	ARA3013	Thổ ngữ Ai Cập	3	3					
	ARA3014	Tiếng Ả Rập luật pháp	3	3					
ARA3015	Tiếng Ả Rập Hành chính - Văn phòng	3	3						
ARA3016	Tiếng Ả Rập Văn hóa Nghệ thuật	3	3						
ARA3017	Tiếng Ả Rập kiến trúc Xây dựng	3	3						

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Khuyên

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh